

Số: 197/BC-UBND

Chơn Thành, ngày 11 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO
TỔNG QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022

Thực hiện Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định thời hạn phê chuẩn báo cáo Tổng quyết toán ngân sách nhà nước cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh và thời hạn Ủy ban nhân dân gửi báo cáo tổng quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 25/7/2022 của HĐND huyện Chơn Thành về dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách huyện năm 2022; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/7/2022 của HĐND huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành) về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022; Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 26/12/2022 của HĐND thị xã Chơn Thành về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công cuối năm 2022.

Ủy ban nhân dân thị xã Chơn Thành báo cáo tổng quyết toán ngân sách năm 2022, cụ thể như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện ngân sách năm 2022:

Năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã được kiểm soát, tuy nhiên ảnh hưởng của lạm phát, suy thoái kinh tế đã làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm dừng hoạt động, giải thể... Chính phủ đã ban hành các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí mới đã tác động mạnh mẽ đến nguồn thu ngân sách, bên cạnh đó, thị trường bất động sản trầm lắng vào các tháng cuối năm dẫn đến nguồn thu ngân sách thị xã từ thu tiền sử dụng đất để chi đầu tư rất hạn chế. Song, với quyết tâm vượt qua những khó khăn thách thức, phấn đấu hoàn thành mục tiêu Nghị quyết HĐND thị xã đề ra, cùng với sự chỉ đạo, điều hành linh hoạt của UBND thị xã và sự nỗ lực, phối hợp đồng bộ của các cấp, các ngành nên tình hình kinh tế xã hội của thị xã vẫn được duy trì ở mức ổn định, trong đó công tác điều hành ngân sách đã đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ đề ra.

II. Về quyết toán thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn: Thực hiện năm 2022 là 794,671 tỷ đồng, đạt 115,5% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 111,9% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua, bằng 89,6% so với số thực hiện năm 2021.

Một số khoản thu có tỷ trọng lớn đạt kết quả như sau:

1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: Thực hiện 4 tỷ 598 triệu đồng, đạt 170,3% dự toán điều chỉnh tình giao và dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua, bằng 89% so với số thực hiện năm 2021.

2. Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh: Thực hiện 149 tỷ 220 triệu đồng, đạt 109,7% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 105,8% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua, bằng 96,3% so với số thực hiện năm 2021. Đây là khoản thu chiếm tỷ trọng cao nhất quyết định phần lớn nguồn cân đối ngân sách địa phương. Năm 2022, khoản thu này đạt và vượt dự toán đề ra là do ngay từ đầu năm, UBND thị xã đã chỉ đạo quyết liệt trong việc tăng cường công tác xử lý nợ đọng thuế, công tác nắm bắt các hộ mới kinh doanh đưa vào quản lý thuế và chỉ đạo ngành thuế thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các đơn vị kinh doanh vãng lai ngoài tình nộp ngay số thuế giá trị gia tăng phát sinh vào ngân sách nhà nước...

3. Thu lệ phí trước bạ: Thực hiện 121 tỷ 531 triệu đồng, đạt 135% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 132,1% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua, tăng 21,3% so với số thực hiện năm 2021. Nguồn thu này vượt dự toán là do nhu cầu chuyển nhượng bất động sản và mua sắm xe ô tô, xe máy của người dân phát sinh nhiều trong các tháng đầu năm, bên cạnh đó, UBND thị xã đã chỉ đạo xử lý dứt điểm số lượng lớn hồ sơ chuyển nhượng bất động sản tăng đột biến của năm 2021 chuyển sang năm 2022 từ đó làm tăng nguồn thu này.

4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện 1 tỷ 981 triệu đồng, đạt 180,1% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 132,1% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua. Nguyên nhân thu vượt dự toán là do các công ty trong các khu công nghiệp đã kê khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước trong năm 2022.

5. Thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện 118 tỷ 799 triệu đồng, tăng hơn 02 lần dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 196,7% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua, tăng 42,1% so với số thực hiện năm 2021. Nguyên nhân thu vượt dự toán cũng giống như thu lệ phí trước bạ xuất phát từ việc xử lý số hồ sơ chuyển nhượng bất động sản tồn đọng của năm 2021 chuyển sang năm 2022 và nhu cầu chuyển nhượng bất động sản tăng mạnh vào các tháng đầu năm 2022.

6. Thu phí, lệ phí: Thực hiện 10 tỷ 981 triệu đồng, đạt 127,7% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 126,2% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua, tăng 10,4% so với số thực hiện năm 2021.

7. Thu tiền thuê đất: Thực hiện 55 tỷ 150 triệu đồng, tăng hơn 06 lần dự toán điều chỉnh tình giao và tăng hơn 04 lần dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua, tăng hơn 04 lần so với số thực hiện năm 2021. Nguyên nhân thu vượt dự toán là do có một số công ty, doanh nghiệp phát sinh tiền thuê đất nộp một lần cho cả kỳ thuê đất đã nộp kịp thời vào NSNN.

8. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện 4 tỷ 786 triệu đồng, tăng gần 03 lần so với dự toán điều chỉnh tình giao và dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua. Nguyên nhân thu vượt dự toán là do các doanh nghiệp đã nộp số thuế từ các năm trước vào ngân sách.

9. Thu khác: Thực hiện 29 tỷ 371 triệu đồng, đạt 146,1% dự toán điều chỉnh tình giao và dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua

10. Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện 296 tỷ 500 triệu đồng, đạt 82,1% dự toán điều chỉnh tình giao, đạt 80,1% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua, bằng 59,3% so với số thực hiện năm 2021. Nguyên nhân thu đạt thấp là do công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất các dự án trên địa bàn thị xã chưa thực hiện, mặt khác, tình hình thị trường bất động sản có chiều hướng trầm lắng vào các tháng cuối năm 2022, vì vậy, nguồn thu này không đạt dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua.

II. Về quyết toán chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022: Thực hiện 1.147 tỷ 702 triệu đồng, loại trừ số chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới 122 tỷ 469 triệu đồng do số bổ sung trên đã thực hiện chi và được quyết toán ở ngân sách cấp xã, vậy tổng số chi theo Nghị quyết đề ra là 1.025 tỷ 233 triệu đồng, đạt 139,9% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 99,1% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua, bằng 75,1% so với số thực hiện năm 2021.

Một số nội dung chi lớn như sau:

1. Chi đầu tư phát triển: Tại kỳ họp thứ 7, HĐND thị xã khóa XII, UBND thị xã đã trình HĐND thị xã điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 và được HĐND thị xã thông qua tại Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 26/12/2022 với tổng số vốn là 446,253 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện năm 2022: 448 tỷ 970 triệu đồng, loại trừ khoản chi chuyển nguồn từ năm 2021 chuyển sang năm 2022 thì số chi đầu tư theo Nghị quyết HĐND thị xã thông qua là 383 tỷ 628 triệu đồng, đạt 115% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 86% dự toán HĐND thị xã thông qua đầu năm, bằng 80,6% so với số thực hiện năm 2021. Nguyên nhân giải ngân đạt tỷ lệ thấp là do số thu tiền sử dụng đất ngân sách thị xã được hưởng không đạt kế hoạch đề ra và quá trình lập hồ sơ pháp lý để đầu tư xây dựng dự án kéo dài, một số dự án lớn vướng công tác giải phóng mặt bằng.

Cụ thể như sau:

- Nguồn vốn tỉnh phân cấp: 20,262 tỷ đồng/26,985 tỷ đồng, đạt 75,1% kế hoạch đề ra.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2022: 176,825 tỷ đồng/217,500 tỷ đồng, đạt 81,3% kế hoạch đề ra.
- Vốn chương trình mục tiêu NTM từ ngân sách tỉnh: 4 tỷ 500 triệu đồng, đạt 100% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua.
- Từ nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022: 182 tỷ 041 triệu đồng, đạt 92,3% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua.

2. Chi thường xuyên: Thực hiện 381 tỷ 359 triệu đồng, đạt 99,2% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 95,4% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua, bằng 90,4% so với số thực hiện năm 2021.

Một số khoản chi lớn ước đạt kết quả như sau:

- Chi sự nghiệp kinh tế: Thực hiện 45 tỷ 984 triệu đồng, đạt 50,3% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 73,5% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua. Nguyên nhân

chi không đạt kế hoạch đề ra là do một số công trình vướng công tác giải phóng mặt bằng, một số hộ dân đầu tuyến không chấp nhận giải phóng mặt bằng để triển khai thi công.

- Chi sự nghiệp giáo dục: Thực hiện 146 tỷ 930 triệu đồng, đạt 90,8% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 96% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua.

- Chi sự nghiệp y tế: Thực hiện 30 tỷ 827 triệu đồng, đạt 116% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 114,4% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua. Nguyên nhân tăng chi là do chi bù hụt thu nguồn khám chữa bệnh của Trung tâm y tế và chi các chính sách thu hút, đãi ngộ, đào tạo, hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho bác sỹ theo các văn bản quy định.

- Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin: Thực hiện 3 tỷ 908 triệu đồng, đạt 169,9% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 128,8% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua. Nguyên nhân tăng chi là do phát sinh chi các hoạt động phục vụ và tổ chức Lễ công bố thành lập Thị xã Chơn Thành theo Nghị quyết số 570/NQ-UBTVQH15 ngày 11/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập thị xã Chơn Thành và thành lập các phường thuộc thị xã Chơn Thành.

- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: Thực hiện 1 tỷ 308 triệu đồng, đạt 93,5% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 126,3% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua. Nguyên nhân tăng chi là do tăng chi các hoạt động tuyên truyền chuẩn bị cho Lễ công bố thành lập Thị xã Chơn Thành.

- Chi bảo đảm xã hội: Thực hiện 16 tỷ 590 triệu đồng, đạt 122,2% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 113,8% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua. Nguyên nhân tăng chi là do phát sinh tăng số lượng đối tượng hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

- Chi quản lý hành chính: Thực hiện 93 tỷ 645 triệu đồng, đạt 139,5% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 101,1% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua. Nguyên nhân tăng chi là do chi một số nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo cấp trên và chi mua sắm trang thiết bị cho một số cơ quan, đơn vị.

- Chi an ninh - quốc phòng: 28 tỷ 663 triệu đồng, đạt 217,8% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 99,2% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua.

3. Dự phòng: Thực hiện 18 tỷ 471 triệu đồng, đạt 126% dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 87% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua. Khoản chi này chủ yếu tập trung chi công tác phòng, chống dịch Covid-19, chi hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo QĐ số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/03/2022 và chi hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch Covid - 19 theo Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 11/8/2022 của Chính phủ.

4. Chi từ nguồn Cải cách tiền lương: Thực hiện 43 tỷ 387 triệu đồng, đạt 54,6% dự toán điều chỉnh HĐND thị xã thông qua. Khoản chi này sử dụng để chi hỗ trợ cho các đối tượng chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ.

III. Cân đối ngân sách năm 2022:

- Số thu phân ngân sách địa phương được hưởng: 543 tỷ 076 triệu đồng.
- Số thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 130 tỷ 502 triệu đồng.
- Thu kết dư ngân sách: 186 tỷ 598 triệu đồng.
- Thu chuyên nguồn: 191 tỷ 815 triệu đồng.
- Thu nộp ngân sách cấp trên: 2 tỷ 846 triệu đồng.

Tổng thu ngân sách thị xã đưa vào cân đối ngân sách là 1.054 tỷ 837 triệu đồng, cân đối với tổng chi là 1.025 tỷ 233 triệu đồng. Như vậy, tồn quỹ ngân sách năm 2022 là 29 tỷ 604 triệu đồng (trong đó: ngân sách thị xã 1 tỷ 195 triệu đồng, ngân sách xã, phường 28 tỷ 409 triệu đồng).

Ủy ban nhân thị xã báo cáo Hội đồng nhân dân thị xã xem xét, phê chuẩn theo quy định./.

Nơi nhận: *Đ*

- Sở Tài chính;
- TT. Thị ủy, TT. HĐND thị xã;
- CT, các PCT, UBND thị xã;
- Các vị Đại biểu HĐND thị xã;
- KBNN thị xã, Chi cục Thuế;
- Phòng ban chuyên môn;
- UBND các xã, phường;
- LĐ VP, CV các khối;
- Lưu: VT, phòng TC-KH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hà Duy Đạt

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
(kèm theo Báo cáo số: **197** /BC-UBND ngày **11** /**7** /2023 của UBND thị xã Chơn Thành)

Đơn vị: triệu đồng

Phần thu		Tổng số	Thu NS cấp huyện	Thu NS cấp xã	Phần chi		Tổng số	Chi NS cấp huyện	Chi NS cấp xã
1		2	4	5	6		7	9	10
Tổng số thu		1.177.306	795.503	381.803	Tổng số chi		1.147.702	794.308	353.394
A	Tổng số thu	1.177.306	795.503	381.803	A	Tổng số chi cân đối ngân sách	1.147.702	794.308	353.394
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	19.072	14.326	4.746	1	Chi đầu tư phát triển	448.970	202.017	246.953
2	Các khoản thu phân chia tỷ lệ %	524.004	479.174	44.830	3	Chi thường xuyên	381.359	305.480	75.879
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				4	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	122.469	122.469	
4	Thu kết dư năm trước	186.598	14.220	172.378	5	Chi chuyển nguồn sang năm sau	129.819	105.812	24.007
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	191.815	154.435	37.380	6	Dự phòng	18.471	15.763	2.708
6	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	252.971	130.502	122.469	7	Chi nộp ngân sách cấp trên	2.846		2.846
	Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	86.551	56.959	29.592	8	Chi nguồn CCTL	43.387	42.386	1.001
	- Bổ sung có mục tiêu	166.420	73.543	92.877	9	Chi chương trình mục tiêu từ ngân sách cấp trên	381	381	
8	Thu nộp ngân sách cấp trên	2.846	2.846						
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)		29.604	1.195	28.409					
- Bội chi = chi - thu ¹									

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC UBND THỊ XÃ CHƠN THÀNH



Nguyễn Thái Hoàng

Ngày 04 tháng 7 năm 2023
CƠ QUAN TÀI CHÍNH



Trịnh Quang Trung

Ngày 11 tháng 7 năm 2023
TM.UBND THỊ XÃ CHƠN THÀNH



Hà Duy Đạt

QUYẾT TOÁN THU NSNN NĂM 2022

(kèm theo Báo cáo số: 197 /BC-UBND ngày 11 / 7 /2023 của UBND thị xã Chơn Thành)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS cấp xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)
	TỔNG SỐ (A+B+C+D+E)	823.802	1.228.787	1.428.901	24.187	227.408	795.503	381.803	173,5	116,3
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	688.000	710.000	794.671	24.187	227.408	493.500	49.576	115,5	111,9
I	Thu nội địa	688.000	710.000	793.837	24.187	227.408	493.163	49.079	115,4	111,8
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý			67		67				
	- Thuế giá trị gia tăng			67		67				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	- Thuế tài nguyên									
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	2.700	2.700	4.598		4.541	57		170,3	170,3
	- Thuế giá trị gia tăng	1.700	1.700	2.443		2.392	51		143,7	143,7
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000	1.000	2.156		2.149	6		215,6	215,6
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	- Thuế tài nguyên									
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			853		853				
	- Thuế giá trị gia tăng			812		812				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			41		41				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	- Thuế tài nguyên									
	- Thuế môn bài									
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước									
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	136.000	141.000	149.220		318	144.169	4.733	109,7	105,8
	- Thuế giá trị gia tăng	119.800	119.200	132.605		1	127.871	4.733	110,7	111,2

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS cấp xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.000	20.900	15.534		12	15.522		103,6	74,3
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	200	200	306		305	1		153,0	153,0
	- Thuế tài nguyên	1.000	700	775			775		77,5	110,7
	- Thuế môn bài									
	- Thu khác - NQD									
5	Lệ phí trước bạ	90.000	92.000	121.531			81.931	39.600	135,0	132,1
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.100	1.500	1.981				1.981	180,1	132,1
7	Thuế thu nhập cá nhân	58.100	60.400	118.799		59.791	59.008		204,5	196,7
8	Thuế bảo vệ môi trường									
9	Phí, lệ phí	8.600	8.700	10.981	2.932	83	6.871	1.095	127,7	126,2
10	Tiền sử dụng đất	361.000	370.000	296.500		118.600	177.900		82,1	80,1
11	Thu tiền thuê đất, mặt nước	8.800	12.000	55.150		39.378	15.772		626,7	459,6
12	Thu tiền sử dụng khu vực biển									
13	Thu từ bán tài sản nhà nước									
14	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước									
16	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước									
17	Thu khác ngân sách	20.100	20.100	29.371	18.037	2.209	7.455	1.670	146,1	146,1
	Trong đó: - Thu phạt ATGT	6.580	6.680	15.766	13.831	1.333	444	158	239,6	236,0
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.600	1.600	4.786	3.218	1.568			299,1	299,1
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác									
20	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế									
21	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán)									
II	Thu về dầu thô									
III	Thu Hải quan									
IV	Thu Viện trợ									
V	Các khoản huy động đóng góp			834			337	497		

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS cấp xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng			337			337			
2	Các khoản huy động đóng góp khác			497				497		
B	THU CHUYỀN GIAO NGÂN SÁCH	135.802	140.374	255.817			133.348	122.469	188,4	182,2
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	135.802	140.374	252.971			130.502	122.469	186,3	180,2
1.	<i>Bổ sung cân đối</i>	<i>61.978</i>	<i>61.978</i>	<i>86.551</i>			<i>56.959</i>	<i>29.592</i>	<i>139,6</i>	<i>139,6</i>
2.	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>73.824</i>	<i>78.396</i>	<i>166.420</i>			<i>73.543</i>	<i>92.877</i>	<i>225,4</i>	<i>212,3</i>
2.1	<i>Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước</i>									
2.2	<i>Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước</i>									
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			2.846			2.846			
C	THU CHUYỀN NGUỒN		192.593	191.815			154.435	37.380		99,6
D	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH		185.820	186.598			14.220	172.378		100,4

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC UBND THỊ XÃ CHƠN THÀNH



Nguyễn Thái Hoàng

Ngày 04 tháng 7 năm 2023
CƠ QUAN TÀI CHÍNH



Trần Quang Trung

Ngày 11 tháng 7 năm 2023
TM.UBND THỊ XÃ CHƠN THÀNH



Hà Duy Đạt

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022(kèm theo Báo cáo số: **197**/BC-UBND ngày **11** /**7** /2023 của UBND thị xã Chơn Thành)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HDND quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao	HDND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)-(3)/(1)	(8)-(3)/(2)
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	732.652	1.022.597	1.022.006	671.458	350.548	139,5	99,9
I	Chi đầu tư phát triển	333.725	446.253	448.970	202.017	246.953	134,5	100,6
1	Chi đầu tư phát triển theo lĩnh vực	333.725	446.253	448.970	202.017	246.953	134,5	100,6
1.1	Chi quốc phòng							
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			44		44		
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề			71.850	31.063	40.787		
1.4	Chi Khoa học và công nghệ							
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình			2		2		
1.6	Chi Văn hóa thông tin			26.147		26.147		
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn							
1.8	Chi Thể dục thể thao							
1.9	Chi Bảo vệ môi trường			828	828			
1.10	Chi các hoạt động kinh tế			307.438	156.999	150.439		
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			41.895	12.361	29.534		
1.12	Chi Bảo đảm xã hội							
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác			766	766			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công ích....							
3	Chi đầu tư phát triển khác:							
II	Chi trả nợ lãi vay theo quy định							
III	Chi thường xuyên	384.269	399.676	381.359	305.480	75.879	99,2	95,4

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HDND quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao	HDND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3):(1)	(8)=(3):(2)
2.1	Chi quốc phòng	11.311	21.869	21.336	9.551	11.785	188,6	97,6
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.850	7.024	7.327	3.849	3.478	396,1	104,3
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	161.773	153.093	146.930	146.545	385	90,8	96,0
2.4	Chi Khoa học và công nghệ							
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình	26.565	26.951	30.827	30.679	148	116,0	114,4
2.6	Chi Văn hóa thông tin	2.300	3.034	3.908	3.332	576	169,9	128,8
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.399	1.036	1.308	1.197	111	93,5	126,3
2.8	Chi Thể dục thể thao	1.202	2.240	2.258	1.519	739	187,9	100,8
2.9	Chi Bảo vệ môi trường	5.000	12.583	10.471	10.417	54		83,2
2.10	Chi các hoạt động kinh tế	91.346	62.595	45.984	35.848	10.136	50,3	73,5
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	67.116	92.662	93.645	46.187	47.458	139,5	101,1
2.12	Chi Bảo đảm xã hội	13.579	14.584	16.590	15.581	1.009	122,2	113,8
2.13	Chi khác	828	2.005	775	775		93,6	38,7
III	Chi chuyển nguồn		75.992	129.819	105.812	24.007		170,8
IV	Dự phòng	14.658	21.220	18.471	15.763	2.708	126,0	87,0
V	Chi thực hiện CCTL		79.456	43.387	42.386	1.001		54,6
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KHÁC		8.864	381	381			4,3
-	Vốn sự nghiệp			381	381			
-	Vốn đầu tư							
C	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	140.302	140.302	122.469	122.469			
1	Bổ sung cân đối	61.978	61.978	29.592	29.592			
2	Bổ sung có mục tiêu	78.324	78.324	92.877	92.877			
	Tr.đó: - Bằng nguồn vốn trong nước	78.324	78.324	92.877	92.877			
	- Bằng nguồn vốn ngoài nước							

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HDND quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao	HDND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)-(3)/(1)	(8)-(3)/(2)
D	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		2.846	2.846		2.846		
	TỔNG SỐ (A+B+C):	872.954	1.174.609	1.147.702	794.308	353.394	131,5	97,7

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN CHƠN THÀNH



Ngày 04 tháng 7 năm 2023
CƠ QUAN TÀI CHÍNH



Trịnh Quang Trung

Ngày 11 tháng 7 năm 2023
TM. UBND THỊ XÃ CHƠN THÀNH



Hà Duy Đạt